

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
**\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**NGÔN NGỮ ĐỐI CHIẾU VIỆT ANH**

**Số tín chỉ: 02**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**

Năm 2018

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**

**1. Tên học phần:** Ngôn ngữ đối chiếu Vietj Anh

**2. Mã học phần:** NNA 443

**3. Số tín chỉ:** 02 (2,0)

**4. Trình độ:** Sinh viên đại học năm thứ 4

**5. Phân bổ thời gian:**

- Lên lớp lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 90 giờ

**6. Điều kiện tiên quyết:**

**7. Giảng viên:**

| STT | Học hàm, học vị, họ tên | Số điện thoại | Email                       |
|-----|-------------------------|---------------|-----------------------------|
| 1   | Ngô Thị Mỹ Bình         | 0984188873    | tienganhmybinhsd@gmail.com  |
| 2   | ThS. Vũ Thị Lương       | 0989.670.521  | luongnn78@gmail.com         |
| 3   | ThS. Trần Thị Mai Hương | 0389182332    | huongtrakhankhung@gmail.com |

**8. Mô tả nội dung của học phần:**

- Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, khái niệm cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp đối chiếu sự tương đồng và sự dị biệt của các đơn vị ngôn ngữ của tiếng Anh và tiếng Việt. Qua đó, sinh viên phân tích vận dụng các kiến thức đã học để so sánh, đối chiếu các đơn vị ngôn ngữ của tiếng Anh và tiếng Việt như: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, cú pháp, ngữ dụng học.

**9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**9.1. Mục tiêu:**

Mục tiêu học phần thỏa mãn chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo bảng sau:

| Mục tiêu | Mô tả                                      | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|----------|--|----------------------------|--------------------------------------|
| MT1      | Kiến thức                                  |                            |                                      |
| MT1.1    | Giải thích được đối tượng, mục đích, nhiệm | 3                          | [2.1.3]                              |

| <b>Mục tiêu</b> | <b>Mô tả</b>   | <b>Mức độ theo thang đo Bloom</b> | <b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b> |
|-----------------|--|-----------------------------------|---|
|                 | vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu, đối chiếu ngôn ngữ, các bình diện, các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ học đối chiếu.   |                                   | [2.1.4]                                     |
| MT1.2           | - Có kiến thức về các khái niệm để thảo luận các tình huống ngôn ngữ.<br>- Nêu được các quy tắc đối chiếu ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.  | 3                                 | [2.1.3]<br>[2.1.4]                          |
| <b>MT2</b>      | <b>Kỹ năng</b>   |                                   |   |
| MT2.1           | Phân tích các quy tắc đối chiếu ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.  | 4                                 | [2.2.2]                                     |
| MT2.2           | So sánh, đối chiếu ngôn ngữ áp dụng quy tắc đối chiếu trên các bình diện, các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ.  | 4                                 | [2.2.2]                                     |
| MT2.3           | Viết được các tình huống ngôn ngữ có tính đối chiếu trên các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp mà sinh viên quan tâm.  | 4                                 | [2.2.2]                                     |
| MT3             | <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>   |                                   |   |
| MT3             | Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.   | 4                                 | [2.3.1]                                     |
| MT3.2           | Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công. | 4                                 | [2.3.3]                                     |

## **9.2. Chuẩn đầu ra của học phần**

| <b>CĐR học phần</b> | <b>Mô tả</b> | <b>Thang đo Bloom</b> | <b>Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT</b> |
|---------------------|--------------|-----------------------|--|
|                     |              |                       |  |

| <b>CDR học phần</b> | <b>Mô tả</b>   | <b>Thang đo Bloom</b> | <b>Phân bố CDR học phần trong CTĐT</b> |
|---------------------|--|-----------------------|--|
| <b>CDR1</b>         | <b>Kiến thức</b>   |                       |  |
| CDR1.1              | Có khả năng hiểu, nhận biết và phân tích được các quy tắc đối chiếu ngôn ngữ trên bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp ở mức độ cơ bản.                             | 3                     | [2.1.3]<br>[2.1.4]                     |
| CDR1.2              | Trình bày được các quy tắc đối chiếu ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.<br>Sử dụng được các quy tắc đối chiếu ngôn ngữ luyện tập các bài tập theo nội dung bài học. | 3                     | [2.1.3]<br>[2.1.4]                     |
| <b>CDR2</b>         | <b>Kĩ năng</b>   |                       |  |
| CDR2.1              | Có khả năng nhận xét, lập luận và đưa ra kết luận về kết quả đối chiếu.  | 4                     | [2.2.2]                                |
| CDR2.2              | Thực hiện được những nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Anh – Việt ở mức độ cơ bản.   | 4                     | [2.2.2]                                |
| <b>CDR3</b>         | <b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>  |                       |  |
| CDR3.1              | Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.  | 4                     | [2.3.1]                                |
| CDR3.2              | Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.  | 4                     | [2.3.3]                                |
| CDR3.3              | Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.   | 4                     | [2.3.3]                                |

### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

| Chương | Nội dung học phần  | Chuẩn đầu ra của học phần |         |         |         |         |         |         |
|--------|--|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
|        |  | CDR1                      |         | CDR2    |         | CDR3    |         |         |
|        |  | CDR 1.1                   | CDR 1.2 | CDR 2.1 | CDR 2.2 | CDR 3.1 | CDR 3.2 | CDR 3.3 |
| 1      | <b>Chương 1: Quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu</b><br>1.1. Sự xuất hiện<br>1.2. Thời kì thứ nhất | X                         | X       | X       | X       | X       | X       | X       |

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
|   | <p>1.3. Thời kì thứ hai</p> <p>1.4. Thời kì thứ ba</p> <p>1.5. Những biểu hiện gần đây</p> <p>1.6. Triển vọng tương lai.</p>  |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | <p><b>Chương 2: Vị trí của ngôn ngữ học đối chiếu</b></p> <p>2.1. Phạm vi ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu</p> <p>2.2. Phân biệt với ngôn ngữ học so sánh – lịch sử</p> <p>2.3. Phân biệt với ngôn ngữ học khu vực</p> <p>2.4. Phân biệt với loại hình học.</p>  | X | X | X | X | X | X | X |
| 3 | <p><b>Chương 3: Những ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu</b></p> <p>3.1. Những ứng dụng về phương diện lý thuyết</p> <p>3.1.1. Ứng dụng trong ngôn ngữ học đại cương</p> <p>3.1.2. Ứng dụng trong loại hình học</p> <p>3.1.3. Ứng dụng trong miêu tả ngôn ngữ</p> <p>3.1.4. Ứng dụng trong những lĩnh vực khác</p> <p>3.2. Những ứng dụng về phương diện diện thực tiễn</p> <p>3.2.1. Ứng dụng trong giảng dạy ngôn ngữ</p> <p>3.2.2. Ứng dụng trong biên-phiên dịch</p> | X | X | X | X | X | X | X |
| 4 | <p><b>Chương 4: Nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu các ngôn ngữ</b></p> <p>4.1. Nguyên tắc đối chiếu các ngôn ngữ</p> <p>4.2. Phương pháp đối chiếu các</p>   | X | X | X | X | X | X | X |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| <p>ngôn ngữ</p> <p>4.2.1. Khái quát</p> <p>4.2.2. Phạm vi đối chiếu</p> <p>4.2.3. Các bước phân tích đối chiếu</p> <p>4.3. Phương thức đối chiếu các ngôn ngữ</p> <p>4.3.1. Phương thức đồng nhất/ khu biệt cấu trúc</p> <p>4.3.2. Phương thức đối chiếu chức năng</p> <p>4.3.3. Phương thức đồng nhất/khu biệt hoạt động.</p> <p>4.3.4. Phương thức đồng nhất/khu biệt phong cách</p> <p>4.3.5. Phương thức đồng nhất/khu biệt phát triển.</p> <p>4.3.6. Phương thức đồng nhất/khu biệt xã hội, lịch sử</p> |  |  |  |  |  |  |  |
| <p><b>Chương 5: Các bình diện nghiên cứu đối chiếu</b></p> <p>5.1. Các bình diện ngôn ngữ đối chiếu</p> <p>5.2. Nghiên cứu đối chiếu về từ vựng – ngữ nghĩa</p> <p>5.3. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ pháp</p> <p>5.3. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ dụng</p> <p>5.3. Nghiên cứu đối chiếu về văn tự</p>   |  |  |  |  |  |  |  |
| <p><b>Chương 6: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu ( trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh)</b></p> <p>6.1. Đối chiếu ngữ âm Việt - Anh</p> <p>6.2. Đối chiếu từ vựng – ngữ nghĩa Việt - Anh</p>   |  |  |  |  |  |  |  |

|                                    |  |  |  |  |  |  |  |
|------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| 6.3. Đối chiếu ngữ pháp Việt - Anh |  |  |  |  |  |  |  |
|------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá   |
|--------------|---|
| CĐR1         | Bài tập thường xuyên, bài thuyết trình, bài kiểm tra giữa học phần                              |
| CĐR2         | Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần                      |
| CĐR3         | Bài tập thường xuyên, bài thuyết trình, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần |

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

| STT | Điểm thành phần   | Quy định  | Trọng số   | Ghi chú |
|-----|---|---|------------|---------|
| 1   | Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên | - Chuyên cần: Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần<br>- Hoàn thành các bài tập, bài thuyết trình được giao | 10%<br>10% |         |
| 2   | Kiểm tra giữa học phần  | Hình thức kiểm tra:<br>Tự luận<br>Thời gian: 50 phút  | 30%        |         |
| 3   | Kiểm tra kết thúc học phần  | Hình thức thi: Tự luận<br>Thời gian: 90 phút  | 50%        |         |

### 11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.
- Điểm đánh giá về công tác chuẩn bị, nội dung và thuyết trình tại lớp theo những nội dung được phân công.

- Kiểm tra giữa học phần thực hiện vào tuần số 8. Hình thức kiểm tra: Tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 5 câu hỏi: Nêu nội dung về lý thuyết liên quan đến các khái niệm, ví dụ về ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc, phương pháp đối chiếu, các bình diện đối chiếu

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TTKT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và hình thức thi: Tự luận. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trên giấy thi theo quy định của nhà trường. Nội dung thi kết thúc học phần đảm bảo kiến thức của toàn học phần, gồm 5 câu hỏi: Nêu nội dung về lý thuyết liên quan đến các khái niệm, ví dụ về ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc, phương pháp đối chiếu, các bình diện đối chiếu và các bài tập thực hành.

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

## **12. Phương pháp dạy và học**

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các khái niệm, ví dụ về ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc, phương pháp đối chiếu, các bình diện đối chiếu.

. Giảng viên cũng trình bày phân tích và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành, giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo định hướng năng lực thực hiện. Giảng viên giao nội dung chuẩn bị thuyết trình cho sinh viên theo nhóm/ cá nhân, sinh viên thuyết trình nội dung theo phân công, giảng viên sửa lỗi. Đối với sinh viên cần chủ động, tích cực, nắm bắt kiến thức, vận dụng tình huống giao tiếp khi luyện tập.

## **13. Yêu cầu học phần**

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về nội dung liên quan đến từng bài học khi giảng viên yêu cầu

- Yêu cầu về làm bài tập, tự học: Làm đầy đủ các bài tập được giao, thực hiện thiết kế power point để thuyết trình nội dung chuẩn bị trước khi đến lớp theo yêu cầu từng phần của giảng viên, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần



- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

#### 14. Tài liệu phục vụ học phần

**\* Tài liệu bắt buộc:**

[1] Giáo trình Ngôn ngữ học đối chiếu- Trường Đại học Sao Đỏ

**\* Tài liệu tham khảo:**

[2]. Carl James, *Contrastive Analysis*, Longman, 1980.

[3]. Lê Quang Thiêm. *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004

#### 15. Nội dung chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|------|--|-----------|--------------------|--|
| 1    | <p><b>Chương 1: Quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những nội dung cơ bản về ngôn ngữ học đối chiếu: lịch sử và sự hình thành của ngôn ngữ học đối chiếu</li> <li>- Thuyết trình về nội dung bài học.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1.1. Sự xuất hiện</li> <li>1.2. Thời kì thứ nhất</li> <li>1.3. Thời kì thứ hai</li> </ul> | 2         | [1]<br>[2]         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu phần 1.1; 1.2 TL [1]</li> <li>- Đọc phần 1.1. TL [2]</li> <li>- Chuẩn bị nội dung thảo luận phần 1.2</li> </ul>  |
| 2    | <p><b>Chương 1: Quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu (tiếp)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được những nội dung cơ bản về ngôn ngữ học đối chiếu: lịch sử và sự hình thành của ngôn ngữ học đối</li> </ul>   | 2         | [1]<br>[3]         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu phần 2.1.1; 2.1.2 TL [1]</li> <li>- Đọc 1.1.2 TL [ 3]</li> <li>- Hoàn thành các bài tập trang 5, 6 TL</li> </ul> |

| Tuần | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|------|---|-----------|--------------------|--|
|      | chiếu<br>- Thuyết trình về nội dung bài học.<br><b>Nội dung cụ thể:</b><br>1.4. Thời kì thứ ba<br>1.5. Những biểu hiện gần đây<br>1.6. Triển vọng tương lai.  |           |                    |  |
| 3    | <b>Chương 2: Vị trí của ngôn ngữ học đối chiếu</b><br><b>Mục tiêu:</b><br>- Nêu được những nội dung cơ bản về vị trí của ngôn ngữ học đối chiếu trong giao tiếp.<br>- Thuyết trình về nội dung bài học.<br><b>Nội dung cụ thể:</b><br>2.1. Phạm vi ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu<br>2.2. Phân biệt với ngôn ngữ học so sánh – lịch sử | 2         | [1]<br>[2]         | - Đọc phần 2..3.1, 2.3.2 TL [1]<br>- Đọc phần 2.1;2.2 TL [2]<br>- Chuẩn bị nội dung bài tập trang 10, 11 TL1 |
| 4    | <b>Chương 2: Vị trí của ngôn ngữ học đối chiếu (tiếp)</b><br><b>Mục tiêu:</b><br>- Phân biệt được những nội dung cơ bản về ngôn ngữ học đối chiếu ở khía cạnh khu vực và hình học.<br>- Thuyết trình về nội dung bài học.<br><b>Nội dung cụ thể:</b><br>2.3. Phân biệt với ngôn ngữ học khu vực<br>2.4. Phân biệt với loại hình học.        | 2         | [1]<br>[2]         | - Đọc phần 2.5.1; 2.5.2; 2.6.1 TL [1]<br>- Đọc phần 2.3; 2.4 TL [2]<br>- Hoàn thành bài tập trang 20, 21 TL1 |
| 5    | <b>Chương 3: Những ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu</b><br><b>Mục tiêu:</b><br>- Nêu được những nội dung cơ bản về   | 2         | [1]<br>[2]         | - Đọc phần 2.6.2.1, 2.6.2.2 TL [1]<br>- Đọc phần 3.1 TL [2]<br>- Làm bài tập củng cố                         |

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước    | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|------|--|-----------|-----------------------|--|
|      | <p>những ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu.</p> <p>- Thuyết trình về nội dung bài học.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>3.1. Những ứng dụng về phương diện lý thuyết</p> <p>3.1.1. Ứng dụng trong ngôn ngữ học đại cương</p> <p>3.1.2. Ứng dụng trong loại hình học</p> <p>3.1.3. Ứng dụng trong miêu tả ngôn ngữ</p> <p>3.1.4. Ứng dụng trong những lĩnh vực khác</p>  |           |                       | <p>trang 22, 23 TL1</p>  |
| 6    | <p><b>Chương 3: Những ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu (tiếp)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Nêu được những nội dung cơ bản về những ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu.</p> <p>- Thuyết trình về nội dung bài học.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>3.2. Những ứng dụng về phương diện diện thực tiễn</p> <p>3.2.1. Ứng dụng trong giảng dạy ngôn ngữ</p> <p>3.2.2. Ứng dụng trong biên-phiên dịch</p> | 2         | <p>[1]</p> <p>[2]</p> | <p>- Đọc phần 2.6.4; 2.6.5 TL [1]</p> <p>- Hoàn thành bài tập chương trang 23, 24 TL1</p> <p>- Chuẩn bị nội dung thảo luận trang 25 TL1</p> <p>- Đọc phần 3.2 TL [2]</p> |
| 7    | <p><b>Chương 4: Nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu các ngôn ngữ</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu ngôn ngữ.</p> <p>- Thuyết trình về nội dung bài học.</p>  | 2         | <p>[1]</p> <p>[2]</p> | <p>- Đọc phần 2.7.2 TL [1]</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 26, 27 TL1.</p> <p>- Đọc phần 3.3 TL [2]</p>  |

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên  |
|------|--|-----------|--------------------|---|
|      | <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>4.1. Nguyên tắc đối chiếu các ngôn ngữ</p> <p>4.2. Phương pháp đối chiếu các ngôn ngữ</p> <p>4.2.1. Khái quát</p> <p>4.2.2. Phạm vi đối chiếu</p> <p>4.2.3. Các bước phân tích đối chiếu</p>   |           |                    |   |
| 8    | Kiểm tra giữa học phần   | 2         | [1]<br>[2]         | Ôn tập nội dung đã học từ tuần 1 đến tuần 7.<br>Làm bài tập củng cố.                                  |
| 9    | <p><b>Chương 4: Nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu các ngôn ngữ (tiếp)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu ngôn ngữ.</p> <p>- Áp dụng các phương thức đối chiếu làm bài tập củng cố.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>4.3. Phương thức đối chiếu các ngôn ngữ</p> <p>4.3.1. Phương thức đồng nhất/ khu biệt cấu trúc</p> <p>4.3.2. Phương thức đối chiếu chức năng</p> <p>4.3.3. Phương thức đồng nhất/khu biệt hoạt động.</p> | 2         | [1]<br>[2]         | - Đọc mục 2.8.2 TL [2]<br>- Hoàn thành bài tập trang 33, 34 TL1                                       |
| 10   | <p><b>Chương 4: Nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu các ngôn ngữ (tiếp)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu ngôn ngữ.</p>  | 2         | [1]<br>[2]         | - Đọc phần 2.10.2, 2.11.2 TL [1]<br>- Đọc mục 5.1; 5.2 , 7.2 TL [2]<br>- Làm bài tập trang 37, 38 TL1 |

| Tuần | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|------|---|-----------|--------------------|--|
|      | <p>- Thuyết trình về nội dung bài học.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>4.3. Phương thức đối chiếu các ngôn ngữ</p> <p>4.3.4. Phương thức đồng nhất/khu biệt phong cách</p> <p>4.3.5. Phương thức đồng nhất/khu biệt phát triển.</p> <p>4.3.6. Phương thức đồng nhất/khu biệt xã hội, lịch sử</p>  |           |                    |  |
| 11   | <p><b>Chương 5: Các bình diện nghiên cứu đối chiếu</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Nêu các bình diện nghiên cứu đối chiếu.</p> <p>- Thuyết trình về nội dung bài học.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>5.1. Các bình diện ngôn ngữ đối chiếu</p> <p>5.2. Nghiên cứu đối chiếu về từ vựng – ngữ nghĩa</p>  | 2         | [1]<br>[3]         | <p>- Đọc phần 3.1.2, 3.1.3 TL [1]</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 45, 46 TL1</p>                               |
| 12   | <p><b>Chương 5: Các bình diện nghiên cứu đối chiếu (tiếp)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Nêu các bình diện nghiên cứu đối chiếu về ngữ pháp, ngữ dụng và văn tự.</p> <p>- Thuyết trình về nội dung bài học.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>5.3. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ pháp</p> <p>5.4. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ dụng</p> <p>5.5. Nghiên cứu đối chiếu về văn tự</p> | 2         | [1]<br>[2]         | <p>- Đọc phần 3.3.2, 3.4.3 TL [1]</p> <p>- Đọc phần 10.5 TL [2]</p> <p>- Làm bài tập trang 47, 48, 51 TL [1]</p> |
| 13   | <p><b>Chương 6: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu ( trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh)</b></p>   | 3         | [1]<br>[3]         | <p>- Đọc phần 4.1.2, 4.1.3 TL [1]</p> <p>- Đọc phần 5.5.2 TL [3]</p>   |

| Tuần | Nội dung giảng dạy   | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên   |
|------|--|-----------|--------------------|--|
|      | <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày phương pháp đối chiếu ngôn ngữ về bình diện ngữ âm</li> <li>- Đối chiếu ngôn ngữ về bình diện ngữ âm..</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>6.1. Đối chiếu ngữ âm Việt - Anh</p>  |           |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành bài tập trang 54, 55 TL [1]</li> </ul>   |
| 14   | <p><b>Chương 6: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu ( trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh) (tiếp)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày phương pháp đối chiếu ngôn ngữ về bình diện ngữ nghĩa</li> <li>- Đối chiếu ngôn ngữ về bình diện ngữ nghĩa.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>6.2. Đối chiếu từ vựng – ngữ nghĩa Việt - Anh</p> | 2         | [1]<br>[3]         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc phần 4.2.3, 4.2.6 TL [1]</li> <li>- Đọc phần 5.5.2 TL [3]</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận phần 4.2.6 TL [1]</li> </ul>    |
| 15   | <p><b>Chương 6: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu ( trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh) (tiếp)</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày phương pháp đối chiếu ngôn ngữ về bình diện ngữ pháp</li> <li>- Đối chiếu ngôn ngữ về bình diện ngữ pháp.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>6.3. Đối chiếu ngữ pháp Việt - Anh</p>              | 2         | [1]<br>[3]         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc phần 4.4.2 TL [1]</li> <li>- Hoàn thành bài tập chương trnag 59, 60 TL [1]</li> <li>- Đọc phần 11.1.2 TL [3]</li> </ul> |
| 16   | <p><b>Ôn thi kết thúc học phần</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- củng cố nội dung đã học trong</li> </ul>   |           | [1]<br>[2]<br>[3]  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống lại các kiến thức toàn bộ học phần.</li> <li>- Hoàn thành bài tập trong</li> </ul>                                 |

| Tuần | Nội dung giảng dạy  | Lý thuyết | Tài liệu đọc trước | Nhiệm vụ của sinh viên |
|------|---|-----------|--------------------|------------------------|
|      | chương trình<br>- Làm bài tập, đề cương củng cố học phần. |           |                    | đề cương ôn tập.       |

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên**

**TRƯỞNG KHOA**

A blue ink signature of Nguyễn Đăng Tiến.

**Nguyễn Đăng Tiến**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

A blue ink signature of Trịnh Thị Chuyên.

**Trịnh Thị Chuyên**